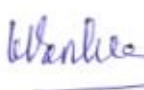


**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH GIA LAI**

**QUY TRÌNH  
CẤP ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP  
TỪ VỆ TINH  
QT. TTBCXB.05**

| Trách nhiệm | Soạn thảo                                                                           | Xem xét                                                                                                                                                                    | Phê duyệt                                                                             |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ tên      | Hà Thị Hải Yến                                                                      | Lê Văn Anh                                                                                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Hùng                                                                      |
| Chữ ký      |  |   |  |
| Chức vụ     | Chuyên viên                                                                         | Trưởng Phòng                                                                                                                                                               | Giám đốc Sở                                                                           |



**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN  
THÔNG TỈNH GIA LAI**

Mã hiệu: QT.TTBCXB.05

**QUY TRÌNH**

**Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình  
nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh**

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 20/10/2020

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

6. BIỂU MẪU VÀ PHỤ LỤC

7. HỒ SƠ CẦN LƯU







|                                                                                   |                                                                             |                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|  | <b>SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH GIA LAI</b>                            | Mã hiệu: QT.TTBCXB.05     |
|                                                                                   | <b>QUY TRÌNH</b>                                                            | Lần ban hành: 01          |
|                                                                                   | <b>Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh</b> | Ngày ban hành: 20/10/2020 |

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự và cách thức Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh nhằm từng bước nâng cao cải cách thủ tục hành chính.

## 2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu giải quyết hồ sơ Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Trách nhiệm áp dụng: cán bộ, công chức thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai

| STT | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                   |
|-----|----------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy đề cập tại mục 5.1 của Quy trình này.

## 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

STT&TT: Sở Thông tin và Truyền thông.

CQ/TC: Cơ quan, tổ chức.

BP TN&TKQ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |                |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
| 5.1 | <b>Cơ sở pháp lý</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |                |
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;</li> <li>- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 30/6/2016.</li> </ul> |                  |                |
| 5.2 | <b>Thành phần hồ sơ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Bản chính</b> | <b>Bản sao</b> |
|     | Hồ sơ cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh được quy định như sau:<br>a) Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định(BM.QT.TTBCXB.05.01);<br>b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối                                                                                                                                | X                |                |



**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN  
THÔNG TIN GIA LAI**

Mã hiệu: QT.TTBCXB.05

**QUY TRÌNH**

**Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình  
nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh**

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 20/10/2020

|              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |                         |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|
|              | <p>với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định này; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) đối với tổ chức, Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định này;</p> <p>c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;</p> |                    |                         |
| <b>5.3</b>   | <b>Số lượng hồ sơ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                         |
|              | 01 bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                         |
| <b>5.4</b>   | <b>Thời gian xử lý</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                         |
|              | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                         |
| <b>5.5</b>   | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                    |                         |
|              | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (Một cửa) – Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                         |
| <b>5.6</b>   | <b>Lệ phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                         |
|              | Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |                         |
| <b>5.7</b>   | <b>Quy trình xử lý công việc</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                         |
| <b>5.7.1</b> | <b>Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp trực tiếp tại Bộ phận TN&amp;TKQ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                         |
| <b>TT</b>    | <b>Trình tự</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Trách nhiệm</b> | <b>Thời gian</b>        |
|              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b> |



|                                                                                   |                                                                             |                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|  | <b>SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH GIA LAI</b>                            | Mã hiệu: QT.TTBCXB.05     |
|                                                                                   | <b>QUY TRÌNH</b>                                                            | Lần ban hành: 01          |
|                                                                                   | <b>Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh</b> | Ngày ban hành: 20/10/2020 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                       |                                                    |                                                    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| B1 | Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ công trực tuyến; dịch vụ bưu chính công ích gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - BP TN&TKQ STT&TT.                                                                                                                                                     | CQ/TC                 | Giờ hành chính                                     | <b>Theo hồ sơ mục 5.2</b>                          |
| B2 | BP TN&TKQ tiếp nhận hồ sơ, xem xét tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định;<br>+ Trường hợp hồ sơ thiếu, không hợp lệ, công chức BP TN&TKQ quả hướng dẫn để người nộp bổ sung sửa đổi;<br>+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết phiếu nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả và chuyển hồ sơ cho Phòng TTBCXB. | CQ/TC, BP TN&TKQ      | 01 ngày<br>(trong ngày nhận hồ sơ, giờ hành chính) | BM.QT.VP.03.01<br>BM.QT.VP.03.02<br>BM.QT.VP.03.03 |
| B3 | Lãnh đạo Phòng TTBCXB tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho công chức phụ trách chuyên môn.                                                                                                                                                                                                                                    | Lãnh đạo Phòng TTBCXB |                                                    | Theo mục 5.2<br>BM.QT.VP.03.04                     |
| B4 | Thẩm định hồ sơ:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho CQ/TC nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ cần                                                                                                                                                                                                    |                       |                                                    | Theo mục 5.2<br>BM.QT.VP.03.04                     |



**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN  
THÔNG TỈNH GIA LAI**

Mã hiệu: QT.TTBCXB.05

**QUY TRÌNH**

**Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình  
nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh**

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 20/10/2020

|    |                                                                                                                                                                                                                              |                                      |                |                                                                                                    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho CQ/TC.<br><br>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, tiến hành dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, trình lãnh đạo Phòng xử lý. | Chuyên viên Phòng TTBCXB             | 6 ngày         | Giấy phép xuất bản bản tin<br><i>BM.QT.TTBCXB.05.02</i>                                            |
| B5 | Kiểm tra nội dung dự thảo:<br><br>- Nếu đồng ý: Chuyển cho chuyên viên phụ trách, chuyên viên phụ trách chuyển cho Lãnh đạo Sở.<br><br>- Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý, ghi rõ lý do.             | Lãnh đạo Phòng TTBCXB                | 01 ngày        | BM.QT.VP.03.04<br>Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
| B6 | Kiểm tra nội dung dự thảo:<br><br>- Nếu đồng ý: Ký vào văn bản liên quan.<br>- Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý, ghi rõ lý do.                                                                       | Lãnh đạo Sở                          | 01 ngày        | BM.QT.VP.03.04<br>Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
| B7 | Văn thư vào sổ, đóng dấu, chuyển Phòng TTBCXB để Phòng TTBCXB chuyển BP TN&TKQ và lưu hồ sơ để theo dõi.                                                                                                                     | Văn thư Sở, Chuyên viên Phòng TTBCXB | 01 ngày        | BM.QT.VP.03.04<br>Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
| B8 | BP TN&TKQ vào sổ                                                                                                                                                                                                             | BP TN&TKQ                            | Giờ hành chính | Sổ theo dõi                                                                                        |



|                                                                                   |                                                                             |                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|  | <b>SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH GIA LAI</b>                            | Mã hiệu: QT.TTBCXB.05     |
|                                                                                   | <b>QUY TRÌNH</b>                                                            | Lần ban hành: 01          |
|                                                                                   | <b>Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh</b> | Ngày ban hành: 20/10/2020 |

|            |                                   |  |  |                                                                                                    |
|------------|-----------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | theo dõi và trả kết quả cho CQ/TC |  |  | BM.QT.VP.03.06<br>Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
| <b>5.8</b> | <b>Điều kiện thực hiện TTHC</b>   |  |  |                                                                                                    |
|            | Không có                          |  |  |                                                                                                    |

## 6. BIỂU MẪU VÀ PHỤ LỤC

| TT | Mã hiệu            | Tên Biểu mẫu                                                                                                                                                                                         |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | BM.QT.VP.03.01     | Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả                                                                                                                                                                  |
| 2. | BM.QT.VP.03.02     | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ                                                                                                                                                            |
| 3. | BM.QT.VP.03.03     | Phiếu từ chối tiếp nhận và giải quyết hồ sơ                                                                                                                                                          |
| 4. | BM.QT.VP.03.04     | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ                                                                                                                                                           |
| 5. | BM.QT.VP.03.06     | Sổ theo dõi hồ sơ                                                                                                                                                                                    |
| 6  | BM.QT.TTBCXB.05.01 | Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (Mẫu số 07/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) |

## 7. HỒ SƠ CÀN LƯU

| TT | Tên hồ sơ                                                                        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Hồ sơ theo mục 5.2                                                               |
| 2. | Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |

*Lưu ý: Hồ sơ được lưu tại Phòng Thông tin - Báo chí- Xuất bản, thời gian lưu theo quy định. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan.*